

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2017/DS-ST
Ngày 20 - 9 - 2017
*V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thu Ba**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Xoa**

2. Ông **Nguyễn Xuân Tùng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Thu Thảo**, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ly Na** – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2017 về “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58A/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Lệ T** – Sinh năm 1968.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 07 phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Địa chỉ cư trú: Số 44 đường T 7, tổ 71 phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Địa chỉ liên lạc: Số 458 đường N, tổ 71 phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

* Bị đơn: Ông **Châu Mạnh T** – Sinh năm 1968.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 07 phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Địa chỉ: Số 44 đường T 7, tổ 71 phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.
Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 10/7/2017, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Lệ T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Châu Mạnh T kết hôn với nhau vào

năm 1996, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, (Nay là H) quận H, thành phố Đà Nẵng trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ chồng tại tổ 51 phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng đến năm 2012 chuyển về sống tại 44 T 7, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chúng tôi sống đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng trong quan điểm sống, trong suy nghĩ, ông T không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, vô cớ gây sự với bà lúc đêm khuya, đập phá đồ đạc trong gia đình và có hành vi bạo lực đối với bà. Bà đã nhiều lần can ngăn, năm 2015 bà đã nộp đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T nhưng vì nghĩ đến con cái và tạo cho ông T một cơ hội nên bà đã rút đơn. Nhưng từ đó đến nay ông T vẫn không thay đổi và ngày càng quá quắt hơn, mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng, và thực tế không chịu nổi nên bà đã về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 7 năm 2017 cho đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông T nữa bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Lệ T xác định vợ chồng có hai con chung là: Châu Thục N, sinh ngày 25/02/1997 và Châu Nguyên K, sinh ngày 11/12/2006. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyên K và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ/tháng thời gian thực hiện việc cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Lệ T thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu ông Châu Mạnh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Con chung Châu Thục N đã trên 18 tuổi khi vợ chồng ly hôn ở với cha hay mẹ do con tự quyết định.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Lệ T xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Lệ T xác định vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng.

* Tại bản khai ngày 07/8/2017, ông Châu Mạnh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông thừa nhận lời trình bày của bà T về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ chồng tại tổ 51 phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng đến năm 2012 chuyển về sống tại 44 T 7, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng ông bà cũng có mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống nhưng không nghiêm trọng, ông không đồng ý với bà T về chuyện cơm nước trong gia đình, trong lúc nóng giận cũng có to tiếng và đập phá đồ đạc trong nhà nhưng không có chuyện bạo lực trong gia đình như bà T đã khai, cứ mỗi lần vợ chồng cãi vã nhau là bà T dắt con về nhà cha mẹ ruột ở, từ tháng 7 năm 2017 đến nay vợ chồng sống ly thân, theo ông thấy mâu thuẫn vợ chồng có thể hàn gắn được và ông vẫn còn yêu thương bà T nên ông không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông xác định xác định vợ chồng có hai con chung là: Châu Thục N, sinh ngày 25/02/1997 và Châu Nguyên K, sinh ngày 11/12/2006. Ông T

có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyên K và không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con.

Con chung Châu Thục N đã trên 18 tuổi khi vợ chồng ly hôn ở với cha hay mẹ do con tự quyết định.

- Về tài sản chung: Ông Châu Mạnh T xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Châu Mạnh T xác định vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng.

* Theo biên bản xác minh ngày 26/7/2017 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu tại địa phương nơi bà Nguyễn Thị Lệ T và ông Châu Mạnh T chung sống thể hiện: Bà T và ông T có chung sống tại địa chỉ 44 T 7, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng từ năm 2012, trong quá trình chung sống tại địa phương từ năm 2016 đến nay giữa vợ chồng thường xuyên có xảy ra xung đột, nguyên nhân là do ông T hay say xỉn gây chuyện với bà T, từ tháng 7/2017 đến nay bà T đã chuyển về sinh sống tại nhà mẹ ruột của bà T.

Về con chung bà T và ông T có hai con chung là Châu Thục N và Châu Nguyên K hiện đang là sinh viên học sinh và đang ở với bà T.

Về tài sản chung và nợ chung: Địa phương không nắm được

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Lệ T và ông Châu Mạnh T đảm bảo các điều kiện cũng như thủ tục theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông T, HĐXX nhận thấy: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà T vẫn kiên quyết xin ly hôn với ông T vì lý do từ năm 2011 cho đến nay vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, ông T không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên say xỉn, vô cớ gây sự lúc đêm khuya, đập phá đồ đạc và có hành vi bạo lực với bà T và các con, hàng tháng ông T không đưa tiền cho bà T để lo cho gia đình, bà T đã nhiều lần can ngăn nhưng ông T vẫn không thay đổi. Năm 2015 bà T đã nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông T nhưng vì còn thương ông T và các con nên bà đã rút đơn để cho ông T cơ hội. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng càng gay gắt hơn, bà không chịu nổi nên đã chuyển về nhà cha mẹ bà ở từ tháng 7 năm 2017.

Về phí ông T cũng thừa nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014, nguyên nhân là do bất đồng trong mọi quan điểm sống, nhưng mâu thuẫn vợ chồng

không nghiêm trọng có thể khắc phục được, ông không có hành vi bạo lực đánh đập bà T, ông chỉ thừa nhận trong lúc nóng giận có to tiếng và đập phá đồ đạc trong gia đình, ông vẫn đưa tiền cho bà T lo cho gia đình. Mâu thuẫn của vợ chồng ông là do bà T không làm tròn nghĩa vụ của người vợ trong cơm nước hàng ngày mà mỗi lần ông góp ý kiến cho bà T thì bà T bỏ về nhà cha mẹ ở, ông vẫn còn yêu thương vợ nên ông không đồng ý ly hôn nhưng ông không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn gia đình và tại phiên tòa ông vắng mặt không lý do chứng tỏ ông cũng không tha thiết hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Qua xác minh tại địa phương thì gia đình bà T và ông T thường xuyên có xung đột và cãi vã, ông T hay gây chuyện với bà T.

Do vậy HĐXX thấy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông T là có cơ sở phù hợp với các quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

2. Về con chung: Vợ chồng bà T ông T có hai con chung là Châu Thục N Sinh ngày 25/2/1997 và Châu Nguyên K - Sinh ngày 11/12/2006.

Xét yêu về nuôi con chung và cấp dưỡng:

Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Châu Nguyên K cho đến tuổi thành niên.

Ông Châu Mạnh T cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Châu Nguyên K cho đến tuổi thành niên và không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng.

HĐXX xét thấy: Qua xác minh tại địa phương thì ông T hay say xỉn, đập phá đồ đạc trong gia đình, cháu Châu Nguyên K hiện nay đang sống cùng với bà T, do bà T chăm sóc và nuôi dưỡng, cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, để không làm xáo trộn cuộc sống của cháu K trong mọi sinh hoạt, học tập và đảm bảo mọi điều kiện tốt nhất cho con chung.

HĐXX thấy giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi cho đến tuổi thành niên là có cơ sở và phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Lệ T thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu ông Châu Mạnh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Còn con chung Châu Thục N đã trên 18 tuổi khi bà T và ông T ly hôn thì ở với cha hay mẹ do con chung tự quyết định.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Lệ T và ông Châu Mạnh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân

sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Lệ T về việc ly hôn với ông Châu Mạnh T; về con chung giao con chung tên Châu Nguyên K, sinh ngày 11/12/2006 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu cấp dưỡng, con chung Châu Thực N đã trên 18 tuổi ở với cha hay mẹ là tùy, về tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà T phải chịu, án phí cấp dưỡng nuôi con ông T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự

- Căn cứ khoản 1, khoản 2 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, nuôi con chung” của bà Nguyễn Thị Lệ T đối với ông Châu Mạnh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Lệ T được ly hôn với ông Châu Mạnh T.

2. Về con chung: Xử giao con chung tên Châu Nguyên K, sinh ngày 11/12/2006 cho bà Nguyễn Thị Lệ T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Sau này vì quyền lợi của con chung các bên vẫn có quyền thỏa thuận hoặc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, các bên đương sự vẫn có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Con chung Châu Thực N đã trên 18 tuổi ở với cha hay mẹ do con chung tự quyết định.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Lệ T và ông Châu Mạnh T có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không đề cập giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị Lệ Thu

phải chịu là 300.000 đồng; nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp tại biên lai thu số 0009596 ngày 21/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu. Bà T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, bà Nguyễn Thị Lệ T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Châu Mạnh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Ủy ban nhân dân phường H
Quận H, thành phố Đà Nẵng
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thị Thu Ba